**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**CHỦ ĐỀ: PHÉP NHÂN – PHÉP CHIA**

**TUẦN 21: BÀI : PHÉP CHIA (TIẾT 1)**

**( Sách Chân trời sáng tạo – SGK trang 18, 19)**

1. **MỤC TIÊU:**

1. Năng lực:

1.1. Năng lực đặc thù:

* Nhận biết:
* Ý nghĩa của phép chia: tương ứng với thao tác chia đều trong cuộc sống.
* Dấu chia.
* Thuật ngữ thể hiện phép chia: Chia đều.

- Thao tác trên đồ dung học tập: chia thành các phần bằng nhau, chia theo nhóm

- Tư duy và lập luận toán học: Nhận biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia trên các trường hợp cụ thể. Tính được kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng.

- Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Làm quen bài toán về ý nghĩa của phép chia, bước đầu phân biệt với bài toán về ý nghĩa của phép nhân.

1.2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết

cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

1. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY – HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 2; bộ thiết bị dạy toán; ………

**2. Học sinh:**

- Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1. Hoạt động 1: Khởi động:**  \* **Mục tiêu:**  Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.  **\* Phương pháp***:* Trò chơi.  **\* Hình thức:** Cả lớp  +ND: cho học sinh thi đua đọc thuộc nối tiếp nhau đọc thuộc bảng nhân 2, 5.  - Yêu cầu HS làm bảng con bài toán: 1 nhóm 4 bạn, mỗi bạn có 3 cái kẹo. Hỏi có tất cả bao nhiêu cái kẹo?  - GV: Viết phép nhân 3 X 4 = 12 ở góc bảng lớp và nói: “4 bạn, mỗi bạn 3 cái kẹo, có tất cả 12 cái kẹo”  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.  - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng: ***Phép chia ( Tiết 1)*** | - HS tham gia chơi.  **-** HS thực hiện |
| **25’** | 2. Hoạt động 2: Chia thành các phần bằng nhau  **\* Mục tiêu:** - Nắm được ý nghĩa của phép chia: tương ứng với thao tác chia đều trong cuộc sống.  - Nhận biết được phép chia.  **\* Phương pháp:** Trực quan, đàm thoại, thực hành, thảo luận  **\*Hình thức:** Cá nhân, nhóm.  **a) Hình thành phép chia**  - GV đọc bài toán dẫn nhập: “Chia đều 12 cái kẹo cho 4 bạn. Mỗi bạn được mấy cái kẹo?”, vừa đọc GV vừa gắn 12 khối lập phương lên bảng (vị trí các khối lập phương không ngay hàng).  ***-*** GV chia nhóm 4, yêu cầu HS thực hiện chia 12 khối lập phương chia đều cho 4 bạn trong nhóm.  - GV mời đại diện các nhóm trình bày kết quả và nêu cách chia trong nhóm  - GV thao tác với các khối lập phương trên bảng.  - GV giới thiệu phép chia:   * 12 cái kẹo chia đều cho 4 bạn, mỗi bạn được 3 cái kẹo. * Ta có phép chia 12 : 4 = 3 (GV viết lên bảng lớp). * GV chỉ vào phép chia, giới thiệu cách đọc   - Mời 2- 3 HS đọc phép chia   * GV giới thiệu dấu chia.   - Giới thiệu mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.  3 x 4 = 12   1. : 4 = 3   - GV chỉ vào từng phép tính, nói lại các tình huống xảy ra phép tính:  \* 4 bạn, mỗi bạn 3 cái kẹo, có tất cả 12 cái kẹo.  Ta có: 3 x 4 = 12 (3 x 4 = 3 + 3 + 3 + 3)  \* Chia đều 12 cái kẹo cho 4 bạn, mỗi bạn được 3 cái kẹo.  Ta có: 12 : 3 = 4  - GV chốt:  **b) Thực hành bài toán chia thành các phần bằng nhau:**  Bài 1/119 ( Thực hành):  - Mời HS đọc yêu cầu bài  - Yêu cầu HS xác định “phần đã cho” và “phần bài toán hỏi”  - GV mời HS thực hiện theo nhóm 2, thao tác trên khối hình lập phương và viết phép tính vào bảng nhóm.  - Mời các nhóm trình bày kết quả và nêu cách tính.  - GV nhận xét:  \* Chia đều 10 cái bánh cho 5 bạn, mỗi bạn được 2 cái bánh.  Ta có: 10 : 5 = 2  - GV hỏi: 5 bạn, mỗi bạn 2 cái bánh, có tất cả … cái bánh?  - GV nêu : 5 bạn, mỗi bạn 2 cái bánh, có tất cả 10 cái bánh.  \* Ta có: 2 x 5 = 10  - GV chốt: Mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia. | - Học sinh quan sát.  - HS thực hiện trong nhóm.  - Đại diện nhóm trình bày – nhận xét  - HS theo dõi  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS nêu  - HS thực hiện  - HS trình bày – nhận xét  - HS lắng nghe  - HS nêu phép tính – kết quả |
| **5’** | **Hoạt động 4 : Củng cố**  **\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  **\* Phương pháp:** Thực hành  **\* Hình thức***:* trò chơi.  - Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi: Ai nhanh – Ai đúng  - GV nhận xét, tuyên dương.  - Dặn dò Học sinh về nhà luyện chia các nhóm đồ vật thành các phần bằng nhau. | **-** Học sinh thi đua 2 đội tiếp sức:  Nhẩm tính một số phép tính sau: 4 x 2 = .... ... : 2 = 4  3 x 5 =.... .... : 3 = 5  5 x 6 =.... 30 : 6 =.... |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**CHỦ ĐỀ: PHÉP NHÂN – PHÉP CHIA**

**TUẦN 21: BÀI : PHÉP CHIA (TIẾT 2)**

**( Sách Chân trời sáng tạo – SGK trang 18, 19)**

1. **MỤC TIÊU:**

1. Năng lực:

1.1. Năng lực đặc thù:

* Nhận biết:
* Ý nghĩa của phép chia: tương ứng với thao tác chia đều trong cuộc sống.
* Dấu chia.
* Thuật ngữ thể hiện phép chia: Chia đều.

- Thao tác trên đồ dung học tập: chia thành các phần bằng nhau, chia theo nhóm

- Tư duy và lập luận toán học: Nhận biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia trên các trường hợp cụ thể. Tính được kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng.

- Sử dụng công cụ, phương tiện toán học: Làm quen bài toán về ý nghĩa của phép chia, bước đầu phân biệt với bài toán về ý nghĩa của phép nhân.

1.2. Năng lực chung:

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động

- Giao tiếp và hợp tác: Có thói quen trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết

cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

1. Phẩm chất:

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY – HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 2; bộ thiết bị dạy toán; ………

**2. Học sinh:**

- Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1. Hoạt động 1: Khởi động:**  \* **Mục tiêu:**  Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.  **\* Phương pháp***:* Trò chơi.  **\* Hình thức:** Cả lớp  + ND: cho học sinh thi đua đọc thuộc nối tiếp nhau đọc thuộc bảng chia 2, 5.  - Yêu cầu HS làm bảng con bài toán: Có 10 cái kẹo, chia cho 2 bạn. Hỏi mỗi bạn được bao nhiêu cái kẹo?  - Giáo viên nhận xét, tuyên dương học sinh.  - Giới thiệu bài và ghi đầu bài lên bảng: ***Phép chia (tiết 2)*** | - HS tham gia chơi.  **-** HS thực hiện |
| **25’** | Hoạt động 2: Chia theo nhóm  **\* Mục tiêu:**  - Nhận biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia trên các trường hợp cụ thể. Tính được kết quả phép chia dựa vào phép nhân tương ứng.  **\* Phương pháp:** Trực quan, thực hành  **\* Hình thức**: Cá nhân, nhóm  **a) Hình thành phép chia**:  - GV đọc bài toán dẫn nhập:  “Có 12 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 3 cái. Hỏi có mấy bạn được chia kẹo?”  - GV gắn 12 khối lập phương lên bảng.  - GV cho HS làm theo nhóm 4  - GV mời đại diện nhóm trình bày – nhận xét  - GV nhận xét và thao tác với các khối lập phương trên bảng.  - GV giới thiệu phép chia:   * 12 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 3 cái. Có 4 bạn được chia. * Ta có phép chia 12:3 = 4 * GV chỉ vào phép chia, giới thiệu cách đọc và cho HS đọc nhiều lần.   - GV chốt: mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.  - Từ một phép nhân ta có thể lập được 2 phép chia tương ứng  3 x 4 = 12 12 : 4 = 3 12 : 3 = 4  **b) Thực hành bài toán chia theo nhóm:**  Bài 2/ 19 (Thực hành):  **-** Mời HS đọc đề bài  - Yêu cầu HS xác định “phần đã cho” và “phần bài toán hỏi”  - GV mời HS thực hiện theo nhóm 2, thao tác trên khối hình lập phương và viết phép tính vào bảng nhóm: Viết phép chia và viết phép nhân tương ứng.  - Mời các nhóm trình bày kết quả và nêu cách tính.  **-** GV nhận xét – chốt bài   * GV giúp HS dựa vào hai phép tính, nói các tình huống:   Có 10 cái bánh, chia cho mỗi bạn 2 cái bánh. Có 5 bạn được chia.  5 bạn, mỗi bạn 2 cái bánh, có tất cả 10 cái bánh.  **-** GV nhận xét – chốt bài**:** Mối quan hệ giữa phép nhân và phép chia.  2 x 5 = 10 10 : 2 = 5 10 : 5 = 2 | - HS lắng nghe – quan sát  - HS thực hiện nhóm: dùng 12 khối lập phương, chia lần lượt 4 lần, mỗi lần chia cho mỗi bạn 3 khối lập phương.  - HS trình bày – nhận xét  - HS lắng nghe  - HS đọc  - HS ghi nhớ  - HS đọc  - HS nêu  - HS thực hiện  10 : 5 = 2  2 x 5 = 10  - HS trình bày – nhận xét |
| **5’** | **Hoạt động 4 : Củng cố**  **\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  **\* Phương pháp:** Thực hành  **\* Hình thức***:* trò chơi.  - Giáo viên cho học sinh chơi trò chơi: Ai nhanh – Ai đúng  - GV nhận xét, tuyên dương.  Dặn dò Học sinh về nhà luyện chia các nhóm đồ vật thành các phần bằng nhau. | **-** Học sinh thi đua 2 đội tiếp sức:  Nhẩm tính một số phép tính sau: 6 x 2 = ? 12 : 2 = ? 12 : 6 = ? |

**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**MÔN: TOÁN – LỚP 2**

**CHỦ ĐỀ: PHÉP NHÂN – PHÉP CHIA**

**TUẦN 21: BÀI : PHÉP CHIA (TIẾT 3)**

**( Sách Chân trời sáng tạo – SGK trang 20, 21)**

**I .** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**

**\* Năng lực chung:**

- Tự chủ và tự học: Tự giác học tập, tham gia vào các hoạt động nhóm.

- Giao tiếp và hợp tác: Biết trao đổi, giúp đỡ nhau trong học tập; biết cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ học tập theo sự hướng dẫn của thầy cô.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Biết thu nhận thông tin từ tình huống, nhận ra những vấn đề đơn giản và giải quyết được vấn đề.

- Năng lực mô hình hóa toán học.

\* **Năng lực đặc thù:**

+ Tư duy và lập luận toán học:

- Nhận biết được phép chia.

- Biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia ,từ phép nhân viết thành 2 phép chia**.**

+ Giao tiếp toán học: Trình bày, trao đổi được về các vấn đề trong bài.

**2. Phẩm chất:**

- Trung thực: Thật thà, ngay thẳng trong việc học tập và làm bài.

- Chăm chỉ: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia các hoạt động học tập.

- Trách nhiệm: Có trách nhiệm tham gia tốt các hoạt động học tập, hoàn thành nhiệm vụ được giao, làm bài tập đầy đủ.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY – HỌC:**

1. **Giáo viên**:

- Sách Toán lớp 2; bộ thiết bị dạy toán; ………

**2. Học sinh:**

- Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; bảng con.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1. Hoạt động 1: Khởi động:**  \* **Mục tiêu:**  Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động kết hợp kiểm tra kiến thức cũ.  **\* Phương pháp***:* Trò chơi.  **\* Hình thức:** Cả lớp  - Tổ chức trò chơi: điều hành trò chơi: ***Đố bạn biết***  +Nội dung chơi: đưa ra phép nhân để bạn nêu phép chia tương ứng:  4 x 3 = 12 5 x 4 = 20 (…)  - Giáo viên nhận xét chung, tuyên dương học sinh.  - Giới thiệu bài mới và ghi đầu bài lên bảng | - HS tham gia chơi.  **-** HS thực hiện |
| **20’** | **2. Hoạt động 2: Thực hành:**  **\* Mục tiêu:**  - Nhận biết được phép chia.  - Biết quan hệ giữa phép nhân và phép chia, từ phép nhân viết thành 2 phép chia**.**  **\* Phương pháp:** Thực hành, vấn đáp, giải quyết vấn đề.  **\* Hình thức:** Cả lớp, nhóm  **\* Cách tiến hành:**  **\***GV giao nhiệm vụ học tập cho HS  Bài 1:  - Mời 1 HS đọc yêu cầu bài   * GV Phân tích mẫu – Đặt câu hỏi: * Có mấy hàng xe? (4 hàng) * Mỗi hàng có mấy xe? (6 xe) * Cái gì lặp lại? (6 xe) * Số xe được lấy mấy lần? (Số xe được lấy 4 lần)   - Mời HS nêu phép tính tìm số xe có tất cả?   1. X 4 = 24)   - Yêu cầu HS đọc hai phép chia tương ứng từ phép nhân trên. (24 : 4 = 6, 24 : 6 = 4).  - GV nhận xét  - GV hướng dẫn HS dựa vào ba phép tính, nói các tình huống:  + Có 4 hàng xe, mỗi hàng 6 xe, có tất cả 24 xe. + Xếp đều 24 xe thành 4 hàng, mỗi hàng có 6xe.  + 24 xe, xếp mỗi hàng 6 xe, có 4 hàng.  - GV chia nhóm bốn: Mời HS tìm hiểu yêu cầu của bài, nhận biết:   * Dựa vào hình ảnh, viết phép nhân thích hợp. * Dựa vào phép nhân, viết hai phép chia tương ứng. * Mời HS thực hiện bài câu a, b vào vở. * Mời các nhóm trình bày kết quả. * GV nhận xét – chốt: Mối quan hệ của phép nhân và phép chia.   \* Lưu ý: Khi sửa bài, khuyến khích HS nói theo phân tích mẫu.  **Bài 2:**  - Mời hs đọc yêu cầu bài  - Yêu cầu HS trong nhóm tự tìm hiểu và làm bài vào vở.  - Tổ chức sửa bài  - GV nhận xét  \* Lưu ý: Khi sửa bài, khuyến khích HS nói tình huống phù hợp với phép tính.  Chẳng hạn:   * 7 X 8 = 56 ► Có 8 bạn, mỗi bạn có 7 cái kẹo, có tất cả 56 cái kẹo. * 56: 8 = 7 ► Chia đều 56 cái kẹo cho 8 bạn, mỗi bạn được 7 cái kẹo. * 56: 7 = 8 ► Có 56 cái kẹo, chia cho mỗi bạn 7 cái, có 8 bạn được chia.   **Bài 3:**  - Mời hs nêu yêu cầu của bài  - GV phân tích mẫu.   * Để biết 20 chia 5 bằng mấy. * Ta nhẩm xem 5 nhân mấy bằng 20 (5 X 4 = 20). * Vậy 20 chia 5 bằng 4.   - Mời HS thực hiện bài làm bài vào vở.  - Tổ chức cho HS sửa bài  - GV nhận xét – chốt bài  \* Lưu ý: Khi sửa bài, lưu ý HS nói cách nhẩm.  **THƯ GIÃN**: 1 phút  - Tổ chức trò chơi: **Rùa về đích**  - Các phép tính trong bảng là các phép nhân trong bảng nhân 2 và nhân 5. Nhiệm vụ hs phải tìm được các phép nhân, chia đúng để giúp Rùa về được nhà.  - Tổ chức hs thi đua tiếp sức.  - GV nhận xét  **Bài 4:**  - Mời hs đọc đề bài và phân tích đề bài câu a, b  - GV hướng dẫn tóm tắt bài toán  - GV yêu cầu HS thực hiện giải bài toán a,b  - GV tổ chức sửa bài và nhận xét.  Bài 5:  GV nêu yêu cầu  - GV tổ chức Trò chơi: Đua xe  - Tổ chức các nhóm làm vào phiếu, nhóm nào làm nhanh nhất sẽ chiến thắng.  - GV sửa bài – nhận xét  - GV chốt bài | - HS đọc  - HS lắng nghe – trả lời  - HS nêu – nhận xét  - HS nêu  - HS nói – nhận xét  - HS thực hiện nhóm  - HS trình bày – nhận xét  - HS đọc  - HS thực hiện nhóm  - HS trình bày bài  - HS nêu  - HS cùng thực hiện  - HS làm bài  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS tham gia  - HS đọc và phân tích đề  - HS theo dõi  - HS thực hiện  - HS lắng nghe  - HS thực hiện |
| **5’** | **Hoạt động 4 : Củng cố**  **\* Mục tiêu:** Giúp học sinh nắm lại các kiến thức trọng tâm mới học.  **\* Phương pháp:** Thực hành  **\* Hình thức***:* trò chơi.  - GV chia lớp thành hai đội A và B.  + Đội A viết một phép nhân trong bảng nhân 2 hoặc nhân 5, đội B đọc hai phép chia tương ứng.  Ví dụ: 2x9=18 ► 18:9 = 2  18 : 2 = 9  + Đổi vai, đội B viết phép nhân đội A đọc phép chia.  + Sau khi mỗi đội viết một số phép nhân thì phân định thắng thua và cả lớp hoan nghênh.  - GV nhận xét, tuyên dương.  **\* Hoạt động thực tế:**  + GV nhắc nhở HS luôn có ý thức chia đều (đồ ăn, đồ chơi,...) cho mọi người. | **-** Học sinh thi đua 2 đội |

**TUẦN 21**

*Thứ ngày tháng năm 2022*

***Kế hoạch bài dạy môn Toán lớp 2***

**4. PHÉP NHÂN- PHÉP CHIA**

**BÀI 56: SỐ BỊ CHIA - SỐ CHIA - THƯƠNG ( SHS tr 22)**

**I. MỤC TIÊU:** **Sau bài học, học sinh:**

**1. Kiến thức**: Nhận biết tên gọi các thành phần của phép tính chia.

**2. Kĩ năng**: Phân biệt tên gọi các thành phần của phép cộng, trừ, nhân, chia.

**3. Thái độ**: Yêu thích môn học; cẩn thận, sáng tạo, hợp tác.

**4. Năng lực chú trọng**: Tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giải quyết vấn đề toán học, giao tiếp toán học.

**5. Phẩm chất**: Nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

**6. Tích hợp**: Toán học và cuộc sống, Tự nhiên và Xã hội.

**II. PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên**: hình trực quan, trò chơi để sử dụng cho nội dung bài học và bài tập, hoa Đ, S .

**2. Học sinh**: Sách học sinh, vở bài tập; bộ thiết bị học toán; viết chì, bảng con.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC DẠY HỌC:**

**1. Phương pháp dạy học**: Đàm thoại, trực quan, vấn đáp, giải quyết vấn đề, trò chơi.

**2. Hình thức dạy học**: Cá nhân, nhóm, lớp.

**IV. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Hoạt động khởi động (3-5 phút):** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo không khí lớp học vui tươi, sinh động.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Trò chơi,..  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên cho cả lớp chơi “Gió thổi”  - GV nêu yêu cầu các con hãy thổi phép tính thích hợp của bài toán ra bảng con và đưa bài toán lên bảng:  Chia đều 10 viên bi cho 5 bạn. Mỗi bạn được mấy viên bi?  -GV nhận xét | - HS lấy bảng con, nghe yêu cầu thực hiện.  - Học sinh cả lớp thực hiện trò chơi, viết phép tính ra bảng con.  **10 : 5 = 2**  -Học sinh nhận xét |
| **2. Bài học và thực hành (23-25 phút):** |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nhận biết và gọi đúng tên các thành phần của phép chia.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Đàm thoại, trực quan, vấn đáp; thảo luận nhóm.  *\* Cách tiến hành:* | image94 |
| ***2.1. Giới thiệu tên các thành phần của phép chia***  - GV viết lại phép tính lên bảng lớp: 10 : 5 = 2  - GV giới thiệu tên gọi các thành phần của phép chia (nói và viết lên bảng như SGK).  -GV lần lượt chỉ vào 10,5,2, HS nói tên các thành phần: số bị chia, số chia, Thương.  - GV nói tên các thành phần: số bị chia, số chia, Thương.  **- GV chốt ý và nhấn mạnh 10 : 5 cũng gọi là Thương**  **Lưu ý HS, kết quả phép tính chia được gọi là Thương.** | - Học sinh quan sát phép tính trên bảng, nhận xét:  + 10: số bị chia  + 5: số chia  + 2: Thương  - Học sinh quan sát, lắng nghe, ghi nhớ.  - HS lặp lại nhiều lần. |
| ***2.2. Thực hành*** |  |
| Bài 1-Gọi tên các thành phần của phép chia.  -Lưu ý: Khi sửa bài, ngoài các phép chia như trong SGK (1/22) , GV nên đưa thêm một số phép chia khác. Chẳng hạn: 20 : 4 = 5,  15 : 3 = 5, 12 : 2 = 6,...  -Viết phép chia: 35 : 5 = 7  35 là số bị chia  5 là số chia  7 là thương  35 : 5 cũng là thương  -GV yêu cầu học sinh thực hiện tương tự với phép tính:  **10 : 2 = 5 24 : 4 = 6**  -GV nhận xét phần trình bày của học sinh.  \* Bài 2- Viết phép chia.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Số bị chia | 30 | 18 | 24 | | Số chia | 3 | 2 | 6 | | Thương | 10 | 9 | 4 |   **30 : 3 = 10**   * GV nêu yêu cầu, hướng dẫn HS thực hiện. * GV nhận xét.   \* Bài 3- Trò chơi “ Kết bạn”.  - Gv hướng dẫn luật chơi và cách chơi  - Mỗi lượt chơi 6 bạn, các phép tính GV đã ghi vào thẻ từ.  Ví dụ   * GV nhận xét, chốt kiến thức.   GV lưu ý: Mỗi lần chơi giúp HS nhận biết: cùng một số, ở các vị trí khác nhau trong phép tính, sẽ có tên gọi khác nhau. | -HS (nhóm đôi) sử dụng SGK gọi tên các  thành phần của các phép chia (theo mẫu).  -HS thực hành nói cho nhau nghe và phát biểu trước lớp.  HS nhận xét.  -HS tìm hiểu bài: nhận biết mỗi cột trong bảng là các thành phần của một phép chia, cần viết các phép chia đó ra bảng con.  Ví dụ: 30, 3 và 10 lần lượt là số bị chia,  số chia và thương.  Phép chia tương ứng là: 30 : 3 = 10.  -Khi sửa bài, HS nên ghi vào phép chia đã viết và gọi tên các thành phần.  Ví dụ:  18:2 = 9  **là số bị chia, 2 là số chia, 9 là thương**  hình toán tr 22 HK2  HS tham gia chơi  Nhận xét nhau |
| 3. Củng cố (3-5 phút): |  |
| *\* Mục tiêu:* Giúp học sinh nhận biết và gọi đúng tên các thành phần của phép chia.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* ôn tập, trò chơi.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên cho HS chơi trò chơi **Ô cửa bí mật**  Trong 4 ô cửa có các phép tính cộng, trù, nhân, chia. HS mở ô cửa, nêu tên gọi của từng thành phần phép tính trong ô cửa HS mở được.  - GV tuyên dương, nhận xét. | -HS tham gia chơi.  Ví dụ: 10 + 2 + 12  9 – 3 = 6  2 x 5 = 10  14 : 2 = 7 |
| **4. Hoạt động ở nhà:** |  |
| *\* Mục tiêu:* Tạo điều kiện để phụ huynh kết nối việc học tập của học sinh ở trường và ở nhà, giúp cha mẹ hiểu thêm về con em.  *\* Phương pháp, hình thức tổ chức:* Tự học.  *\* Cách tiến hành:* |  |
| - Giáo viên hướng dẫn học sinh yêu cầu 2/22 cho cha mẹ xem. | **-** Học sinh thực hiện ở nhà. |

**\* RÚT KINH NGHIỆM, ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG:**

………………………..……………………………………………………………

………………………..……………………………………………………………

………………………..……………………………………………………………

………………………..……………………………………………………………